**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**THÀNH PHỐ DĨ AN**
TỈNH BÌNH DƯƠNG

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2020/HNGĐ – ST
Ngày: 29/5/2020
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Trần Thị Thắm.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Nguyễn Văn Hoàn;

2. Bà Nguyễn Thị Kim Hoa.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa*:** Ông Trần Văn Luân- Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2020/QĐST – HNGĐ ngày 07/5/2020, giữa các đương sự.

*1. Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Bé L, sinh năm 1989; thường trú: Thôn T, xã A, huyện B, tỉnh Q; tạm trú: Tổ 71B khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

*2. Bị đơn:* Anh Đỗ Thành T, sinh năm 1990; thường trú: Thôn T, xã A, huyện B, tỉnh Q; tạm trú: Tổ 71B khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/11/2019 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Trần Thị Bé L trình bày:*

*Về quan hệ hôn nhân:* Chị Trần Thị Bé L và anh Đỗ Thành T có thời gian tìm hiểu khoảng 06 năm thì tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện B, tỉnh Q vào ngày 21/2/2013 (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 06/2013, Quyển số 01/2011). Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với gia đình chồng tại UBND xã A, huyện B, tỉnh Q khoảng 02 năm. Chị L ở nhà nội trợ còn anh T phụ giúp gia đình chồng chăm sóc cây cảnh. Tuy nhiên, do thu nhập không đủ sống nên đến năm 2017, thì anh T vào

Bình Dương lập nghiệp, làm thợ cắt vải, chị L vẫn ở quê đến năm 2018 thì cùng con vào chung sống với anh T. Vợ chồng cùng làm công nhân may, thu nhập của chị L khoảng 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng/tháng còn thu nhập của anh T từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng/tháng. Tuy thu nhập cao nhưng anh T chỉ phụ chị L tiền thuê nhà trọ, còn lại các chi phí khác do chị L tự lo liệu. Hai vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ khi vợ chồng cùng sống chung tại Bình Dương. Nguyên nhân là do anh T sống không chung thủy, chị L đã từng bắt gặp anh T đi chơi với người phụ nữ khác. Ngoài ra, anh T còn thường xuyên say xỉn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Anh T còn đánh chị L gây thương tích phải nhờ Công an phường Tân Đông Hiệp can thiệp. Anh T từng viết bản cam kết sẽ không tái phạm nhưng sau đó mọi việc vẫn như cũ. Tháng 9/2019 anh T đuổi mẹ con chị L ra khỏi phòng trọ, vợ chồng sống ly thân đến nay, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Nay chị L xác định không còn tình cảm với anh T nên yêu cầu ly hôn.

*Về con chung:* Vợ chồng có 02 con chung là cháu Đỗ Thành T1, sinh ngày 30/6/2013 và Đỗ Thị Thùy T2, sinh ngày 02/8/2014. Năm 2019 khi anh T đuổi chị L ra khỏi nhà thì chị L có dẫn theo cháu T2 còn cháu T1 vẫn do anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, khi ly hôn chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T2, giao cháu T1 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản:* Chị Trần Thị Bé L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đối với bị đơn anh Đỗ Thành T:* Quá trình tố tụng, anh T đã được Tòa án thông báo thụ lý, triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 26/3/2020; tham gia phiên tòa vào các ngày 07/5/2020 và ngày 29/5/2020, tuy nhiên anh T vắng mặt không có lý do, không cung cấp chứng cứ và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị L.

- Tại biên bản xác minh của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An tại Hội liên hiệp phụ nữ phường Tân Đông Hiệp, thành phố Dĩ An thể hiện: Hội Liên hiệp phụ nữ phường Tân Đông Hiệp không nhận được đơn đề nghị hòa giải quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị Bé L và anh Đỗ Thành T. Đồng thời, Hội không tiếp nhận phản ánh từ cơ sở về mâu thuẫn giữa hai anh chị, do đó, không biết rõ giữa hai anh chị có mâu thuẫn như thế nào.

- Kết quả xác minh tại Công an phường Tân Đông Hiệp thể hiện: Anh Đỗ Thành T, sinh năm 1990 có đăng ký tạm trú và hiện đang sinh sống tại địa chỉ: Tổ 71B khu phố Đ, phường T, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân, chị Trần Thị Bé L và anh Đỗ Thành T có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình tố tụng, anh T không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, không cung cấp lời khai và chứng cứ về quan hệ hôn nhân nên có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng chị L và anh T là trầm trọng, chị L có yêu cầu ly hôn là có căn cứ. Về con chung, hiện nay cháu T1 đang sống cùng anh T còn cháu T2 đang sống cùng chị L, do đó khi ly hôn chị L có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T2, giao cháu T1 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Anh T vắng mặt, không trình bày ý kiến về vấn đề nuôi con và việc cấp dưỡng nên yêu cầu của chị L về vấn đề nuôi dưỡng con chung là có căn cứ. Về tài sản chung và nợ chung nguyên đơn không tranh chấp, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Tòa án nhận định:

[1] Chị Trần Thị Bé L khởi kiện anh Đỗ Thành T yêu cầu được ly hôn. Căn cứ biên bản xác minh tại Công an phường Tân Đông Hiệp thể hiện: Anh Đỗ Thành T, sinh năm 1990 có đăng ký tạm trú và hiện đang sinh sống tại địa chỉ: Tổ 71B khu phố Đ, phường T, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Đỗ Thành T để tham gia phiên tòa vào các ngày 07/5/2020 và ngày 29/5/2020 nhưng anh T vắng mặt không rõ lý do. Ngày 26/3/2020 nguyên đơn chị Trần Thị Bé L nộp đơn từ chối hòa giải và đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án xét xử vắng mặt chị L, anh T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Bé L và anh Đỗ Thành T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Q vào ngày 21/02/2013 (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 06/2013, Quyển số 01/2011) nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Chị L xác định trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9/2019 nên không thể tiếp tục chung sống được với nhau và yêu cầu được ly hôn. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án và nhiều lần triệu tập anh Đỗ Thành T đến làm việc nhưng anh T đều vắng mặt không rõ lý do, không đến tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đồng thời, anh T cũng không có văn bản nào thể hiện thiện chí đưa ra phương pháp hàn gắn mối quan hệ giữa anh và chị L nên có cơ sở xác định cuộc sống hôn nhân của chị L và anh T phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị L yêu cầu được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định của Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên có căn cứ chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Trần Thị Bé L và anh Đỗ Thành T có 02 con chung là cháu Đỗ Thành T1, sinh ngày 30/6/2013 và Đỗ Thị Thùy T2, sinh ngày 02/8/2014. Khi ly hôn chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T2, giao cháu T1 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Anh T vắng mặt, không có ý kiến gì đối với yêu cầu về nuôi con của

chị L đồng thời tại biên bản xác minh ngày 05/3/2020 tại Công an phường Tân Đông Hiệp thể hiện cháu Đỗ Thành T1 hiện đang sinh sống với anh Đỗ Thành T tại địa chỉ Tổ 71B khu phố Đ, phường T, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Do đó, cần giao con chung tên Đỗ Thị Thùy T2 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung tên Đỗ Thành T1 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi của trẻ em sau khi ly hôn cũng như không làm xáo trộn đến cuộc sống, sinh hoạt bình thường của cháu T2, cháu T1 là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Lời khai trong quá trình tố tụng, chị Trần Thị Bé L xác định do vợ chồng mỗi người nuôi 01 con chung nên không ai phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Xét đây là ý chí tự định đoạt của đương sự nên ghi nhận sự tự nguyện của chị L về việc không yêu cầu anh T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Anh T vắng mặt không có ý kiến đối với yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con của chị L.

[6] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Trần Thị Bé L không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[7] Từ những phân tích nêu trên, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

[8] Về án phí: Chị Trần Thị Bé L phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điểm a Khoản 5 và Điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Trần Thị Bé L được ly hôn với anh Đỗ Thành T (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 06/2013, Quyển số 01/2011 do Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Q vào ngày 21/02/2013).

2. Về con chung: Tiếp tục giao con chung tên Đỗ Thị Thùy T2, sinh ngày 02/8/2014 cho chị Trần Thị Bé L trực tiếp nuôi dưỡng. Tiếp tục giao con chung tên Đỗ Thành T1, sinh ngày 30/6/2013 cho anh Đỗ Thành T trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, chị Trần Thị Bé L và anh Đỗ Thành T đều có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con, không ai được quyền cản trở anh, chị thực hiện

quyền này. Trường hợp chị L, anh T lạm dụng việc đi lại, thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến việc trực tiếp nuôi con thì anh, chị có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Bé L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai số 0039924 ngày 31/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự (2);
- TAND tỉnh Bình Dương (1);
- VKSND thành phố Dĩ An (1);
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An (1);
- UBND xã A, huyện B, tỉnh Q;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (2).

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Thắm**